

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 494/QĐ-ĐHTĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018)

Cần Thơ, 2018

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành được điều chỉnh năm 2016 theo Quyết định của Trường nhưng vẫn đảm bảo được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu tương đối về năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo thông tư 07/2015/TT- Bộ GD&ĐT ngày 16/04/2015. Năm 2018, Khoa tiến hành điều chỉnh đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra theo công văn số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học. Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, tinh gọn, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan.

Người học tham gia CTĐT ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ để trở thành một cử nhân kinh tế có tư tưởng chính trị vững vàng, kiến thức chuyên môn sâu rộng có thể đảm trách được các công việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành đào tạo: Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành

Tên văn bằng: Cử nhân Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành

Mã ngành: 7810103

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tây Đô

Cơ sở tổ chức giảng dạy: Khoa Quản trị kinh doanh

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân

Trình độ: Đại học

Thời gian: 04 năm (8 học kỳ - tối đa 08 năm)

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại Học Tây Đô

2.1.1. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

2.1.2. Tầm nhìn

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

2.1.3. Mục tiêu phát triển đến 2035

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sức khỏe vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2.2. Sứ mạng – tầm nhìn – mục tiêu Khoa Quản trị kinh doanh

2.2.1. Sứ mạng

Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu kết hợp thực hành quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển chất lượng, hiệu quả và bền vững; nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; tạo môi trường thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng, phát triển tài năng trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh hiện đại.

2.2.2. Tầm nhìn

Trở thành Khoa theo định hướng nghiên cứu ứng dụng được xếp hạng ngang tầm với các Khoa quản trị kinh doanh tiên tiến trong vùng và cả nước, trong đó có 2 ngành đào tạo được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học cấp trường và bộ giáo dục

2.2.3. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo ra những học viên, sinh viên năng động và có đầy đủ sức khỏe; có kiến thức chuyên môn vững vàng; có kiến thức về chính trị xã hội, pháp luật và công nghệ thông tin; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và quản lý giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tại các đơn vị tổ chức/ doanh nghiệp trong môi trường luôn thay đổi.

2.2.4. Mục tiêu phát triển đến năm 2023

- Mở rộng ngành nghề đào tạo cả bậc đại học và sau đại học.
- Tăng quy mô đào tạo so với hiện tại 20%.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Nâng cao cả về số lượng và chất lượng.
- Thực hiện kiểm định 2 CTĐT bậc đại học.

2.3. Mục tiêu của chương trình

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo theo tín chỉ chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành nhằm đào tạo các Cử nhân kinh tế có đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc tốt ở các công việc liên quan đến quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân Quản trị kinh doanh phải đạt chuẩn về kiến thức, kỹ năng, tố chất và có thể đảm nhận các công việc có liên quan đến chuyên ngành đào tạo như sau:

❖ Kiến thức:

- **G1.** Cử nhân được trang bị đầy đủ kiến thức về thực thi, điều hành và quản lý các công việc liên quan đến cung ứng dịch vụ du lịch, lữ hành ở các tổ chức kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn và các tổ chức khác.
- **G2.** Kiến thức chuyên môn về quản trị kinh doanh du lịch, marketing du lịch, thiết kế, điều phối tour để đáp ứng các yêu cầu trong công việc như điều hành, quản lý công việc kinh doanh du lịch, xúc tiến thương mại trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, lữ hành trong và ngoài nước,...
- **G3.** Kiến thức liên quan đến việc tổ chức, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực như: kinh doanh, nhân sự, cung ứng dịch vụ, chất lượng dịch vụ, marketing dịch vụ, kế hoạch thâm nhập, mở rộng và phát triển thị trường kinh doanh du lịch trong và ngoài nước,...
- **G4.** Trang bị kiến thức về phương pháp luận giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng ở lĩnh vực du lịch, lữ hành.

Kỹ năng:

- **G5.** Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề liên quan đến vận hành hệ thống cung ứng dịch vụ, du lịch, lữ hành trong doanh nghiệp và các tổ chức khác.

- **G6.** Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng trong kinh doanh du lịch, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức.
- **G7.** Kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến cung ứng dịch vụ, nhân sự, marketing du lịch, bán hàng, chăm sóc khách hàng,...
- **G8.** Kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh dịch vụ du lịch- lữ hành, marketing du lịch, bán hàng cho thị trường trong và ngoài nước.
- **G9.** Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng để phục vụ cho công việc.
- **G10.** Sử dụng Anh văn chuyên ngành phục vụ cho công việc, giao dịch kinh doanh.
- **G11.** Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.

Thái độ:

- **G12.** Năng động, cầu tiến, sáng tạo, có tính kỷ luật và tác phong công nghiệp.
- **G13.** Khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, ứng biến, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng..
- **G14.** Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội.

CHUẨN ĐẦU RA

2.4. Kiến thức

2.4.1. Kiến thức chung

K1. Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học tự nhiên để vận dụng trong học tập, nghiên cứu vào lĩnh vực kinh tế.

K2. Sử dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh tế.

1.1.1. Kiến thức chuyên môn

K3. Nắm vững các kiến thức chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành và các lĩnh vực liên quan như kế toán, tài chính,...

K4. Thực thi các hoạt động điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh tại các bộ phận của doanh nghiệp/ tổ chức;

K5. Nhận biết, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh tại các bộ phận trong doanh nghiệp/tổ chức; phân tích, đánh giá, xây dựng và giám sát các kế hoạch, chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp/tổ chức.

2.5. Kỹ năng

2.5.1. Kỹ năng mềm

S6. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế.

S7. Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (ngoại ngữ tương đương trình độ TOEIC \geq 450 điểm) và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

2.5.2. Kỹ năng nghề nghiệp

S8. Thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin để giải quyết vấn đề liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/ tổ chức;

S9. Vận dụng kỹ năng quản trị trong việc thực hiện hoạt động tác nghiệp liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/tổ chức;

S10. Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;

S11. Thực hiện được việc hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến hoạt động trong doanh nghiệp/ tổ chức.

2.6. Mức tự chủ và trách nhiệm

C12. Có phẩm chất đạo đức tốt; ý thức đầy và có tinh thần trách nhiệm công dân.

C13. Khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, ứng biến, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng.

C14. Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;

C15. Có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Bảng 1: Ma trận tích hợp Mục tiêu và CĐR của chương trình

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	CHUẨN ĐẦU RA														
	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K1	K2	K3	K4	K5	S6	S7	S8	S9	S10	S11	C12	C13	C14	C15
G1	X														
G2			X	X											
G3					X										
G4								X							

G5						X								
G6								X		X				X
G7		X					X							
G8													X	
G9									X					
G10										X	X			
G11										X				
G12										X	X			
G13											X	X		
G14										X	X		X	

3. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo như: thiết kế - điều hành tour, kinh doanh du lịch, marketing, bán hàng,... Sau đó, có thể đảm đương được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Làm việc trong môi trường áp lực cao, môi trường thay đổi thường xuyên và đa dạng các nhóm người trong công tác xúc tiến kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Có khả năng nghiên cứu, học tập tiếp ở bậc cao hơn.

4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

4.1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

❖ **Phương thức tuyển sinh:**

- **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia:**

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 để xét tuyển.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định sau khi có kết quả thi THPT Quốc Gia.

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét học bạ).**

Có hai hình thức của phương thức xét học bạ:

- **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT.

+ Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.

+ Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm trung bình chung (ĐTB)} + \text{Điểm ưu tiên (ĐUTXT)}.$$

$$\text{ĐTB} = (\text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐUTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTB và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

- **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT.

+ Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.

+ Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTB} + \text{ĐUTXT}$$

$$\text{ĐTB} = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3}) \div 3$$

$$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 1}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 2}) \div 3.$$

$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 3}) \div 3.$

$\text{ĐU'TXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$

(ĐTB và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

▪ **Tổ hợp xét tuyển:**

- + Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)
- + Khối A01 (Toán, Lý, Anh)
- + Khối D01 (Toán, Văn, Anh)
- + Khối C04 (Toán, Văn, Địa lý)

4.2. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô), tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 150 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 4 năm, thời gian học tập tối đa 8 năm.

Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 16 tuần học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ và học kỳ phụ khoảng 8 tuần.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.
- e) Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

5. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa Quản trị kinh doanh tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

5.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau.
- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế tốt nghiệp).
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học).
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

5.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt người học trung tâm của quá trình giảng dạy;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

Bảng 2. Chiến lược giảng dạy và học tập

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả	Thuyết giảng Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán Luyện tập và thực hành

	năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, Seminar	
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực hiện chuyên đề ngành, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành	Mô phỏng Thực tế
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

5.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.
- Mỗi học kỳ, Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

6.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần, và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm khảo sát đầu vào, đánh giá trong suốt quá trình học và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích

tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình.

6.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

❖ Các môn lý thuyết:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.
- Trọng số quy định:
 - o Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập, ... : 30 - 40%
 - o Điểm thi kết thúc học phần: 60% - 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề.

❖ **Các môn thực hành:** Điểm học phần là điểm trung bình cộng điểm của các bài thực hành.

6.3. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0–10,0	A	4,0
Giỏi	8,0–8,9	B+	3,5
Khá	7,0–7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5–6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5–6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0–5,4	D+	1,5
Yếu	4,0–4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A : là ĐTBCHK, ĐTBKNH hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

6.4. Một số Rubric đánh giá trong chương trình

6.4.1. Rubric đánh giá thuyết trình

1. Phần nội dung chuyên đề (Tỷ trọng: 50%)						
STT	TIÊU CHÍ	YẾU	TRUNG BÌNH	KHÁ	GIỎI	XUẤT SẮC
1	Hình thức	Không thực hiện theo quy định.	Thực hiện đạt từ 50% đến dưới 65% quy định.	Thực hiện đạt từ 65% đến dưới 80% quy định.	Có thực hiện đạt từ 80% đến dưới 90% yêu cầu.	Thực hiện đạt > 90% quy định, cách trình bày bắt mắt, ấn tượng.
2	Cấu trúc	Không thực hiện theo quy định.	Thực hiện đạt từ 50% đến dưới 65% quy định.	Thực hiện đạt từ 65% đến dưới 80% quy định.	Có thực hiện đạt từ 80% đến dưới 90% yêu cầu.	Thực hiện đạt > 90% quy định.
3	Tổng quan doanh nghiệp	Không theo bố cục, không rõ ràng.	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Có thực hiện đạt từ 80% đến dưới 90% yêu cầu.	Thực hiện đạt > 90% quy định.
4	Giới thiệu bộ phận thực tập và	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt	Có thực hiện từ 65% đến	Có thực hiện đạt từ 80% đến	Thực hiện đạt > 90% quy định.

	công việc được giao		mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	dưới 80% yêu cầu.	dưới 90% yêu cầu.	
5	Mô tả kết quả thực hiện công việc	Có mô tả nhưng sơ sài, không có nhật ký thực tập.	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Có thực hiện đạt từ 80% đến dưới 90% yêu cầu.	Thực hiện đạt > 90% quy định, phù hợp với thực tế công việc.
6	Giải pháp	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Có thực hiện đạt từ 80% đến dưới 90% yêu cầu.	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu, mang tính khả thi cao và phù hợp với hạn chế.
7	Bài học kinh nghiệm	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng chưa phù hợp với hạn chế.	Có thực hiện, phù hợp với hạn chế từ 65% đến dưới 80%.	Có thực hiện, phù hợp với hạn chế từ 80% đến dưới 90% yêu cầu.	Có thực hiện và phù hợp với hạn chế đạt mức > 90% yêu cầu.
2. Phần báo cáo (Tỷ trọng: 50%)						
1	Thiết kế Powerpiont	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng chỉ cắt dán từ bài viết.	Có thực hiện nhưng chưa xúc tích, không có hiệu ứng, hình ảnh minh họa.	Thực hiện đầy đủ nội dung, xúc tích, hiệu ứng và hình ảnh minh họa chưa bắt mắt.	Thực hiện đầy đủ nội dung, xúc tích, hiệu ứng và hình ảnh minh họa đẹp mắt.

2	Khả năng thuyết trình	Không thuyết trình được nội dung.	Thuyết trình quá thời gian quy định/ không trình bày đầy đủ nội dung chính.	Thuyết trình đầy đủ nội dung nhưng không mạch lạc.	Thuyết trình đầy đủ nội dung, mạch lạc nhưng chưa lôi cuốn người nghe.	Thuyết trình đầy đủ nội dung, mạch lạc và lôi cuốn người nghe.
3	Trả lời câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi của hội đồng.	Trả lời được 50% nội dung câu hỏi.	Trả lời được 65% đến dưới 80% nội dung câu hỏi.	Trả lời được 80% đến dưới 90% nội dung câu hỏi.	Trả lời được > 90% nội dung câu hỏi.

6.4.2. Rubric đánh giá khóa luận tốt nghiệp

1. Phần nội dung (Tỷ trọng điểm: 85%)						
STT	TIÊU CHÍ	YẾU	TRUNG BÌNH	KHÁ	GIỎI	XUẤT SẮC
1	Hình thức	Không thực hiện theo quy định.	Thực hiện đạt từ 50% đến dưới 65% quy định.	Thực hiện đạt từ 65% đến dưới 80% quy định.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Thực hiện đạt > 90% quy định, cách trình bày bắt mắt, ấn tượng.
2	Cấu trúc	Không thực hiện theo quy định.	Thực hiện đạt từ 50% đến dưới 65% quy định.	Thực hiện đạt từ 65% đến dưới 80% quy định.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Thực hiện đạt > 90% quy định.
3	Tổng quan đề tài	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Thực hiện đạt > 90% quy định.

4	Cơ sở lý thuyết	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Thực hiện đạt > 90% quy định.
5	Tổng quan doanh nghiệp	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Thực hiện đạt > 90% quy định.
6	Kết quả nghiên cứu	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu, mang tính ứng dụng cao.
7	Giải pháp	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu, mang tính khả thi cao và phù hợp với hạn chế.
8	Kết luận	Không thực hiện	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu.
9	Điểm mới đề tài	Đề tài không có điểm mới nào	Đề tài chưa mới, nhưng cách thực hiện nghiên cứu có khác so với các nghiên cứu	Đề tài có điểm mới, nhưng được kế thừa từ các đề tài	Đề tài có điểm mới, nhưng chưa nổi bật hơn so	Đề tài hoàn toàn mới so với các nghiên cứu trước đây.

			trước đây.	đã nghiên cứu trước đây.	với các nghiên cứu trước đây.	
2. Phần báo cáo (15%)						
10	Năng lực trình bày/thuyết trình	Không khả năng trình bày.	Trình bày đầy đủ nội dung.	Trình bày đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc nội dung.	Trình bày đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc các nội dung. Thể hiện sự tự tin trong cách trình bày.	Trình bày đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc các nội dung. Tự tin, sáng tạo trong phong cách trình bày.
11	Thiết kế bài báo cáo	Không thiết kế được bài báo cáo.	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu, thiết kế bắt mắt, ấn tượng.
12	Trả lời các câu hỏi trước Hội đồng báo cáo	Không trả lời được câu hỏi nào.	Trả lời đạt dưới 50% nội dung các câu hỏi.	Trả lời đạt từ 50% đến dưới 80% nội dung các câu hỏi.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% nội dung các câu hỏi.	Trả lời đạt > 90% nội dung các câu hỏi.

6.4.3. Rubric đánh giá tiêu luận tốt nghiệp:

STT	TIÊU CHÍ	YẾU	TRUNG BÌNH	KHÁ	GIỎI	XUẤT SẮC
1	Hình thức	Không thực hiện	Thực hiện đạt từ 50% đến dưới 65% quy định.	Thực hiện đạt từ 65% đến dưới	Thực hiện đạt từ 80% đến 90%	Thực hiện đạt > 90% quy định, cách

		theo quy định.		80% quy định.	quy định.	trình bày bắt mắt, ấn tượng.
2	Cấu trúc	Không thực hiện theo quy định.	Thực hiện đạt từ 50% đến dưới 65% quy định.	Thực hiện đạt từ 65% đến dưới 80% quy định.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Thực hiện đạt > 90% quy định.
3	Tổng quan đề tài	Không thực hiện.	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Thực hiện đạt > 90% quy định.
4	Cơ sở lý thuyết	Không thực hiện .	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Thực hiện đạt > 90% quy định.
5	Tổng quan doanh nghiệp	Không thực hiện.	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Thực hiện đạt > 90% quy định.
6	Kết quả nghiên cứu	Không thực hiện.	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu, mang tính ứng dụng cao
7	Giải pháp	Không thực hiện.	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu, mang tính khả thi cao và phù hợp với

						hạn chế.
8	Kết luận	Không thực hiện.	Có thực hiện nhưng không đầy đủ (đạt mức 50% đến dưới 65% yêu cầu).	Có thực hiện từ 65% đến dưới 80% yêu cầu.	Thực hiện đạt từ 80% đến 90% quy định.	Có thực hiện đạt mức > 90% yêu cầu.
9	Điểm mới đề tài	Đề tài không có điểm mới nào.	Đề tài chưa mới, nhưng cách thực hiện nghiên cứu có khác so với các nghiên cứu trước đây.	Đề tài có điểm mới, nhưng được kế thừa từ các đề tài đã nghiên cứu trước đây.	Đề tài có điểm mới, nhưng chưa nổi bật hơn so với các nghiên cứu trước đây.	Đề tài hoàn toàn mới so với các nghiên cứu trước đây.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

7.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy **150 tín chỉ** (kể cả các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh).

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
-----	----------------	---------

1	Kiến thức giáo dục đại cương	42
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	66
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành	17
	- Kiến thức ngành	60
3	- Kiến tự chọn	19
	Thực tập tốt nghiệp, đồ án, khóa luận tốt nghiệp (hoặc tiểu luận tốt nghiệp kết hợp học phần thay thế)	12
Tổng		150

7.2. Danh mục học phần:

7.2.1 Kiến thức giáo dục đại cương			42	LT	BT/TH
1. Lý luận Mác Lênin và Tư Tưởng Hồ Chí Minh			10		
1	301000654	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin	5	5	
2	301000666	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	
3	301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
2. Khoa học xã hội			4	4	
1	301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
2	301000292	Kinh tế du lịch và môi trường	2	2	
3. Ngoại ngữ			6	12	
1	301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	3	3	
2	301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	3	3	
4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường			11		
1	301000668	Toán cao cấp	4	4	
2	301000679	Tin học căn bản	2	2	
3	301000680	Thực hành Tin học căn bản	2	0	2
4	301001403	Thống kê kinh doanh	3	2	1
5. Giáo dục thể chất - Quốc phòng – An ninh			11		
1	301000650	Giáo dục quốc phòng – An ninh	8	0	8
2	301001035	Giáo dục thể chất 1	1		1
3	301001036	Giáo dục thể chất 2	1		1
4	301001037	Giáo dục thể chất 3	1		1
7.2.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			96		
1. Kiến thức cơ sở khối ngành			7	5	3
1	301000236	Kinh tế vi mô	3	2	1
2	301000898	Kinh tế vĩ mô	2	2	
3	301000233	Kinh tế quốc tế	2	1	1
2. Kiến thức cơ sở của ngành			10	8	6
1	301000446	Quản trị học	3	2	1

2	301000390	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	1	1
3	301000367	Nguyên lý kế toán	3	2	1
4	301001051	Nguyên lý Marketing	2	2	
3. Kiến thức ngành			60	23	17
1	301000489	Tâm lý và hành vi khách hàng	2	1	1
2	301000534	Thương mại điện tử	2	1	1
3	0301000489	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1
4	0301000568	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2		
5	0301000439	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2		
6	301000310	Marketing du lịch	2	1	1
7	301000439	Quản trị chất lượng	2	1	1
8	0301000450	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	2	1
9	0301001412	Quản trị kinh doanh lưu trú	2		
10	0301000879	Tuyển điểm du lịch	2		
11	0301001413	Kiến tập thực hiện chuyên đề (năm 3)	4		
12	0301000441	Quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	3		
13	301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	1	1
14	301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	1	1
15	301000457	Quản trị rủi ro	2	1	1
16	301000450	Thực tập tour xuyên Việt	5		
17	0301000945	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
18	301001618	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
19	301001619	Tiếng Anh chuyên ngành	4	2	2
20	301001404	Tiếp thị số (Internet Marketing)	2	1	1
21	301001405	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh	2		
22	0301001407	Kỹ năng hoạt náo	2		
23	301000687	Thuế	2	1	1
24	0301000560	Luật du lịch	2		
25	301000460	Quản trị tài chính	2	1	1
4. Phân tự chọn			19		
1	301000333	Nghệ thuật quảng cáo	2	2	
2	301000903	Kỹ năng bán hàng	2	1	1
3	301000445	Quản trị hệ thống thông tin	2	1	1
4	301000428	Quan hệ công chúng	2	1	1
5	0301000161	Kỹ năng thuyết trình	2		
6	301000438	Quản trị bán hàng	3	2	1
7	0301000440	Quản lý điều hành yến tiệc	2		
8	301000534	Thương mại điện tử	2		

9	301000161	Hành vi tổ chức	3	2	1
10	0301000443	Nghiệp vụ buồng phòng	2		
11	301000461	Quản trị thương hiệu	2	1	1
12	301000440	Quản trị chiến lược	3	2	1
13	0301000457	Tổ chức sự kiện	2		
14	301000441	Quản trị cung ứng	3	2	1
15	301001414	Quản trị Marketing	2	2	
16	0301000436	Địa lý du lịch	2		
17	301001247	Lập và phân tích dự án	3	2	1
18	301001257	Quản trị nhân sự	2	1	1
19	301000493	Thanh toán quốc tế	2	1	1
7.2.3. Thực tập, khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp			12		
1	301001755	Loại hình 1: Thực tập, thực hiện khóa luận tốt nghiệp	12		12
2	301001759	Loại hình 2:	12		12
3		- Thực tập, thực hiện chuyên đề tốt nghiệp	8		8
	0301001275	- Học phần tốt nghiệp 1: Marketing dịch vụ du lịch và lữ hành	2		2
4	301001756	- Học phần tốt nghiệp 2: Thiết kế và điều hành tour	2	2	

7.3. Ma trận tích hợp học phần – chuẩn đầu ra chương trình:

TT	Học phần	CHUẨN ĐẦU RA																
		Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm					
		K1	K2	K3	K4	K5	S6	S7	S8	S9	S10	S11	C12	C13	C14	C15		
HỌC PHẦN BẮT BUỘC																		
1	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin	X													X			
2	Đường lối cách mạng của đảng CSVN	X													X		X	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X													X			
4	Pháp luật đại cương		X					X				X		X				
5	Kinh tế du lịch và môi trường		X					X				X		X				
6	Tiếng Anh định hướng Toeic 1		X					X				X		X				
7	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	X					X				X	X						
8	Toán cao cấp	X												X				
9	Tin học căn bản	X		X	X	X	X			X	X			X	X			
10	Thực hành Tin học căn bản	X									X			X		X		
11	Giáo dục quốc phòng – An ninh	X												X		X		
12	Giáo dục thể chất 1	X												X		X		
13	Giáo dục thể chất 2	X												X		X		

14	Giáo dục thể chất 3	X										X		X	
15	Kinh tế vĩ mô	X		X	X		X					X	X		
16	Kinh tế vi mô	X		X	X		X					X	X		
17	Kinh tế quốc tế	X		X	X		X					X	X		
18	Quản trị học	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	
19	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh				X	X	X			X	X	X	X	X	X
20	Nguyên lý kế toán			X	X		X					X	X	X	
21	Nguyên lý Marketing				X	X	X			X	X		X	X	X
22	Tâm lý và hành vi khách hàng				X	X	X			X	X		X	X	X
23	Thương mại điện tử	X		X	X	X	X			X	X		X	X	X
24	Quản trị nguồn nhân lực				X	X	X		X	X			X	X	X
25	Quản trị kinh doanh nhà hàng	X		X	X	X	X			X	X		X	X	X
26	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	X	X		X						X	X	X		
27	Marketing du lịch	X	X	X	X	X	X	X					X		
28	Quản trị chất lượng		X	X	X	X	X	X		X		X	X		
29	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	X	X		X		X	X					X	X	X
30	Quản trị kinh doanh lưu trú	X	X		X		X	X				X	X		X
31	Tuyển điểm du lịch			X									X	X	X
32	Kiến tập thực hiện chuyên đề (năm 3)		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
33	Quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành			X	X	X			X	X	X		X	X	X
34	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	X	X		X		X	X				X	X		X
35	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh			X									X	X	X
36	Quản trị rủi ro														
37	Thực tập tour xuyên Việt	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
38	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X		X		X	X					X	X	X
39	Tiếng Anh chuyên ngành	X	X		X		X	X				X	X		X
40	Tiếp thị số (Internet Marketing)			X									X	X	X
41	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
42	Kỹ năng hoạt náo	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X	X
43	Thuế	X		X	X	X	X						X	X	
44	Luật du lịch	X		X										X	
45	Quản trị tài chính	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
46	Thuế	X		X	X	X	X						X	X	
47	Tiếng Anh định hướng Toeic 2		X					X				X	X		
48	Nguyên lý Marketing				X	X	X			X			X	X	X
49	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X											X		
50	Quản trị học	X		X	X	X	X			X		X	X	X	X
51	Thực tập, thực hiện khóa luận tốt nghiệp		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

52	Thực tập, thực hiện tiểu luận tốt nghiệp		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
53	Học phần tốt nghiệp 1			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
54	Học phần tốt nghiệp 2			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
55	HỌC PHẦN TỰ CHỌN															
56	Nghệ thuật quảng cáo		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
57	Kỹ năng bán hàng	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X
58	Quản trị hệ thống thông tin			X	X	X			X		X		X			
59	Quan hệ công chúng			X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X
60	Kỹ năng thuyết trình			X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X
61	Quản trị bán hàng		X		X	X	X		X				X	X	X	X
62	Quản lý điều hành yến tiệc					X				X	X		X	X	X	X
63	Thương mại điện tử	X		X	X	X	X		X	X			X	X	X	X
64	Hành vi tổ chức		X	X	X	X		X				X	X			
65	Nghiệp vụ buồng phòng			X	X	X			X	X			X	X	X	X
66	Quản trị thương hiệu	X		X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X
67	Quản trị chiến lược			X	X	X	X						X	X	X	X
68	Tổ chức sự kiện	X		X	X	X	X		X	X			X	X	X	
69	Quản trị cung ứng				X	X	X			X			X	X	X	
70	Quản trị Marketing			X	X	X							X			
71	Địa lý du lịch	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
72	Lập và phân tích dự án		X	X	X	X		X				X	X		X	
73	Quản trị nhân sự			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
74	Thanh toán quốc tế	X		X	X	X	X		X	X			X	X	X	X

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

Stt	Học phần	Tín	Số	Lý	Thực
		chỉ	tiết	thuyết	
Học kỳ 1:		25	375	150	120
1	Toán cao cấp	4	60	45	30
2	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML 1	2	30	30	
3	Pháp luật đại cương	2	30	15	30
4	Tin học căn bản (lý thuyết)	2	30		
5	Thực hành tin học căn bản	2	30		60
6	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	60	60	
7	Giáo dục quốc phòng	8	120		

8	Giáo dục thể chất 1	1	15		
Học kỳ 2:		20	285	210	120
1	Thông kê kinh doanh	3	45	30	30
2	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML 2	3	45	45	
3	Kinh tế vi mô	3	45	30	30
4	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	60	60	
5	Nguyên lý kế toán	3	45	30	30
6	Nguyên lý Marketing	3	45	30	30
7	Giáo dục thể chất 2	1	15		
Học kỳ 3:		20	315	180	180
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	
2	Quản trị học	3	45	15	30
3	Kinh tế vĩ mô	3	45	15	30
4	Phân tích định lượng trong kinh doanh	2	30	15	30
5	Toán kinh tế	3	45	30	30
6	Thuế	2	30	15	30
7	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4	60	45	30
8	Giáo dục thể chất 3	1	15		
Học kỳ 4:		17	255	180	165
1	Đường lối cách mạng của đảng CSVN	3	45	45	
2	Tâm lý và hành vi khách hàng	2	30	30	15
3	Luật du lịch	2	30	15	30
4	Địa lý du lịch	2	30	30	
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	15	30
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	30	15	30
7	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	30	15	30
8	Marketing du lịch	2	30	15	30
Học kỳ 5:		17	255	135	240
1	Tuyển điểm du lịch	3	45	30	30
2	Tổ chức sự kiện (hội nghị)	2	30	15	30
3	Quản trị cung ứng	2	30	15	30
4	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	30	15	30
5	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	30	15	30
	Phần tự chọn	6	90	45	90
1	Nghệ thuật quảng cáo	2	30	15	30
2	Tiếp thị số (Internet Marketing)	2	30	15	30
3	Quản trị tài chính	2	30	15	30
Học kỳ 6:		19	270	150	240
1	Quản trị nhân sự	2	30	15	30
2	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	45	30	30
3	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	45	30	30
4	Chuyên đề kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	4	60	30	60
	Phần tự chọn	6	90	45	90
1	Quản trị bán hàng	3	45	30	30
2	Điều hành yến tiệc	2	30	15	30
3	Quan hệ công chúng	2			
Học kỳ 7:		21	315	150	330

1	Quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	3	45	30	30
2	Quản trị Marketing	3	45	30	30
3	Thiết kế và điều hành tour	3	45	30	30
4	Quản trị chất lượng	2	30	15	30
5	Thực tập tour xuyên Việt	4	60		120
	Phân tự chọn:	6	90	45	90
1	Quản trị rủi ro	2	30	15	30
2	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	30	15	30
3	Quản trị thương hiệu	2	30	15	30
4	Quản trị thay đổi	2	30	15	30
5	Phát triển kỹ năng quản trị	2	30		
6	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	30	15	30
7	Nghiệp vụ buồng phòng	2	30	15	30
8	Quản trị chiến lược	2	30	15	30
Học kỳ 8:		12	180		360
1	Loại hình 1: Thực tập, thực hiện khóa luận tốt nghiệp	12	180		300
	Loại hình 2:	12	180		360
2	- Thực tập, thực hiện chuyên đề tốt nghiệp	8	120		240
	- Học phần tốt nghiệp 1: Marketing tổng hợp	2	30		60
	- Học phần tốt nghiệp 2: Thiết kế điều hành tour	2	30		60
Tổng cộng:		150	2250	1155	1755

9. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 là phần thứ nhất của môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của môn học bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin học phần 2 là phần thứ hai của môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của học phần gồm 6 chương:

Chương IV, V, VI được trình bày dưới dạng ba học thuyết kinh tế do Mác- Lênin đúc kết từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong đó, Học thuyết Giá trị thặng dư là “Hòn đá tảng” trong các học thuyết kinh tế của K. Mác. Để hiểu rõ học thuyết này, sinh viên phải nắm vững Học thuyết Giá trị và những quy luật kinh tế trong sự vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản, làm cơ sở cho việc xác định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân trong sự ra đời của phương thức sản xuất mới.

Chương VII, VIII gồm những nguyên lý, lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Chương IX trình bày khái quát về chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng của nó.

Nội dung cốt lõi của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và những vấn đề có tính quy luật trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung học phần: Nội dung học phần trình bày về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

4. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Nội dung học phần: Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.

5. Pháp luật đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc nhà nước, khái niệm, bản chất nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước; nguồn gốc, khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò của pháp luật, các kiểu và hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

6. Luật kinh tế

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học

phần đề cập những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.

7. Tiếng Anh định hướng Toeic 1

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm.

8. Tiếng Anh định hướng Toeic 2

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế.

9. Tiếng Anh định hướng Toeic 3

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe – nói – đọc - viết, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ trung cấp. Tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà trường.

10. Toán cao cấp

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về: Đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phương trình ma trận; giới hạn; đạo hàm của hàm số một biến số; tích tích phân xác định, tích phân suy rộng; hàm số hai biến số; giải các phương trình vi phân. Ở mỗi nội dung sinh viên cần biết cách tính, phương pháp giải và ứng dụng vào giải quyết các bài toán thực tế trong các ngành nông lâm nghiệp và trong đời sống kinh tế.

11. LT, TH Tin học căn bản

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng:

Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.

Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word.

Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel.

Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint.

Sử dụng Internet và E-mail : Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.

12. Thống kê kinh doanh

Học phần Xác suất và thống kê (Kinh doanh) được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) Tổng quan Xác suất, (2) Thống kê mô tả, (3) Thống kê suy luận. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, cung cấp sinh viên kiến thức thống kê tổng quát, phương pháp điều tra thống kê một cách có hệ thống. Rèn luyện tư duy khoa học. Trang bị các phương pháp các phương pháp phân tích kinh tế - xã hội. Giới thiệu một vài phần mềm xử lý số liệu (Excel, SPSS).

13. Giáo dục quốc phòng – An ninh

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, thực hành một số kỹ năng quân sự cần thiết về kỹ thuật và chiến thuật. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật.

14. Giáo dục thể chất 1

Nội dung học phần cầu lông cơ bản: Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông.

Nội dung học phần bóng đá cơ bản. Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

Nội dung học phần môn bóng chuyền cơ bản: Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

15. Giáo dục thể chất 2

Nội dung học phần cầu lông nâng cao 1: giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện

Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 1: Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.

- Lý thuyết:Hiểu được lịch sử phát triển và luật thi đấu của môn bóng chuyền

Nội dung học phần bóng đá nâng cao 1: Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

16. Giáo dục thể chất 3

Nội dung học phần cầu lông nâng cao 2: Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 2:

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết:Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

Nội dung học phần bóng đá nâng cao 2. Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

17. Kinh tế vi mô

Kinh tế vi mô là môn học kinh tế học căn bản cung cấp cho học sinh kiến thức đại cương về lý luận và phương pháp kinh tế trong lựa chọn để giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản của một nền kinh tế: sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? và sản xuất cho ai? Môn học khởi đầu với sự nghiên cứu về những cơ sở của cung cầu: vấn đề tiêu dùng cá nhân, đặc tính cầu cá nhân và từ đó suy ra cầu của thị trường. Nội dung tiếp theo là nghiên cứu về đặc điểm của sản xuất, chi phí, lợi nhuận. Các lựa chọn tối ưu hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và thị trường độc quyền. Phần cuối của môn học giới thiệu những vấn đề thất bại của thị trường, thông tin và vai trò của chính phủ.

18. Kinh tế vĩ mô

Môn kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế như một tổng thể. Những vấn đề kinh tế vĩ mô đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của các hộ gia đình, các doanh nghiệp, chính phủ các cấp cũng như các mối quan hệ quốc tế. Học phần này sẽ mô tả các biến kinh tế vĩ mô như GDP, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá, tiêu dùng, đầu tư, tiết kiệm. Thêm nữa, trong học phần này chúng tôi cũng giới thiệu các mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản để giải thích mối quan hệ giữa các chỉ tiêu vĩ mô nói trên. Nội dung bao gồm cả tăng trưởng kinh tế dài hạn và dao động sản lượng trong ngắn hạn. Chính sách kinh tế vĩ mô cũng được trình bày ở mức độ giới thiệu trong học phần này.

19. Kinh tế quốc tế

Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith, lợi thế so sánh của D. Ricardo và của Hecksher-Ohlin, về các lý thuyết thương mại quốc tế hiện đại, về mối quan hệ giữa thương mại và phân phối thu nhập, giữa thương mại, tăng trưởng và phát triển kinh tế. Sinh viên cũng sẽ được trang bị kiến thức về di chuyển các yếu tố sản xuất như vốn và lao động trên qui mô quốc tế, các công cụ, chính sách sử dụng trong thương mại quốc tế. Giới thiệu những định chế kinh tế mà Việt Nam tham gia.

20. Quản trị học

Học phần cung cấp những khái quát chung về quản trị, sự phát triển các tư tưởng quản trị, quyết định quản trị và nội dung các chức năng của quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát. Học phần này là cơ sở, tiên quyết để SV học các môn chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành.

21. Phân tích định lượng trong kinh doanh

Định hướng của môn học này là ứng dụng không đi theo hướng sâu về lý thuyết. Môn học giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong nghiên cứu và phân tích kinh tế và kinh doanh. Kỹ thuật hồi qui theo phương pháp ước lượng

bình phương bé nhất (Ordinary Least Squares-OLS) sẽ được khảo sát kỹ lưỡng. Hàm ước lượng bình phương bé nhất sẽ được xây dựng. Mô hình hồi qui hai biến và đa biến sẽ được nghiên cứu và cách sử dụng chúng trong thực tế. Tiếp đó, các trường hợp vi phạm các giả thiết cơ bản của mô hình sẽ được khảo sát. Cách phát hiện và biện pháp khắc phục. Cuối cùng, một số chủ đề nâng cao trong kinh tế lượng như biến giả (Dummy Variables), và dạng hàm toán học (functional form), sẽ được trình bày nhằm giới thiệu với sinh viên một số kỹ thuật thông dụng hữu ích trong việc xây dựng các mô hình kinh tế lượng ứng dụng.

22. Toán kinh tế

Học phần Toán kinh tế có vai trò rất quan trọng trong thực tiễn quản lý kinh tế. Khi nghiên cứu học phần này sinh viên được trang bị những kiến thức liên quan đến việc lập mô hình và tìm phương án tối ưu cho bài toán quy hoạch tuyến tính, đồng thời biết cách ứng dụng bài toán vận tải trong bố trí công nhân sản xuất, điều tiết xe không tải. Bên cạnh đó, sinh viên còn biết lập sơ đồ mạng, sắp xếp thời gian để quản lý công việc đối với những dự án phức tạp. Ngoài ra, nắm vững kiến thức Toán kinh tế còn là cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt học phần Quản trị sản xuất sau này.

23. Nguyên lý kế toán

Nguyên lý kế toán trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán để sinh viên đọc và hiểu được thông tin kế toán, phục vụ cho việc ra các quyết định về quản lý, tài chính... Đối với sinh viên chuyên ngành kế toán, Nguyên Lý Kế Toán là cơ sở để tiếp thu các môn học kế toán chuyên ngành, những môn học sẽ cung cấp các kiến thức và kỹ năng để sinh viên trở thành một kế toán viên trong tương lai.

24. Nguyên lý Marketing

Marketing căn bản trình bày những kiến thức căn bản về Marketing. Các khái niệm: thị trường, sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị, ý nghĩa, mục tiêu, vai trò, nội dung của chúng trong Marketing. Các bước nghiên cứu thị trường, phân tích các cơ hội thị trường, phân khúc thị trường, chọn thị trường mục tiêu cho phù hợp với mục tiêu và nguồn lực của doanh nghiệp. Giải thích quá trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng. Qua đó thực hiện các chiến lược Marketing hỗn hợp gồm: chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

25. Tâm lý và hành vi khách hàng

Học phần Tâm lý và hành vi khách hàng được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về hành vi khách hàng, (2) hành vi mua của người tiêu dùng, (3) hành

vi mua của tổ chức. Trên cơ sở thấu hiểu các nội dung của học phần, học viên vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

26. Thương mại điện tử

Môn học giới thiệu kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử: thiết kế web, xây dựng hệ thống thanh toán. Quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT.

27. Quản trị sản xuất

Môn học cung cấp kiến thức liên quan tới quản trị sản xuất và điều hành trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Nội dung quản trị sản xuất là quản trị quá trình tạo ra sản phẩm dịch vụ, quản trị quá trình chuyển hóa các nguồn lực đầu vào bao gồm những vấn đề cơ bản như: công nghệ, công suất, máy móc thiết bị, địa điểm doanh nghiệp, mặt bằng sản xuất, con người, vật tư, lịch trình sản xuất, tồn kho; sử dụng các nguồn lực này một cách tối ưu để đạt được mục tiêu hệ thống sản xuất.

28. Quản trị bán hàng

Nội dung của môn học bao gồm Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng và phân tích đánh giá kết quả bán hàng.

29. Nghiên cứu Marketing

Học phần nghiên cứu marketing được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về nghiên cứu marketing, (2) thiết kế - thực hiện nghiên cứu định tính trong lĩnh vực marketing, (3) thiết kế - thực hiện nghiên cứu định lượng trong lĩnh vực marketing.

30. Tiếp thị số (Internet Marketing)

Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động

31. Quản trị tài chính

Trình bày những vấn đề có liên quan đến tổng quan về quản trị tài chính và những quyết định liên quan đến việc đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp. Đối với phần tổng quan sinh viên sẽ được nghiên cứu những khái niệm liên quan đến một hoạt động trong công tác quản lý doanh nghiệp – quản trị tài chính; những nhân tố tác động đến các quyết định quản trị tài chính: môi trường vĩ mô, vi mô, biến động của tiền tệ theo thời gian, những ảnh hưởng của lợi nhuận và rủi ro trong việc ra quyết định.

Đối với phần quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp. Đây là một trong ba quyết định quan trọng nhất của công tác quản trị tài chính và là quyết định tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. Ở phần này chúng ta sẽ nghiên cứu những cơ sở của việc ra quyết định đầu tư dài hạn, cách thiết lập dòng ngân lưu, tính toán suất chiết khấu và những vấn đề thường gặp phải khi xây dựng dòng tiền trong thực tiễn.

32. Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Đạo đức và vấn đề đạo đức trong kinh doanh, (2) Các triết lý đạo đức trong kinh doanh, (3) Phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh, (4) Văn hóa doanh nghiệp, (5) Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp.

Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và văn hóa của doanh nghiệp.

33. Quản trị nhân sự

Học phần quản trị nhân sự được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) Tổng quan quản trị nhân lực trong một tổ chức, (2) Tuyển dụng, đào tạo phát triển, (3) Tiền lương và các hình thức tạo động lực làm việc. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, cung cấp sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức, sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn quản trị tại doanh nghiệp.

34. Lập và phân tích dự án

Học phần Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư được tổ chức giảng dạy theo các phần kiến thức: (1) Tổng quan về đầu tư, dự án đầu tư và Các vấn đề về thiết lập một dự án, (2) Nghiên cứu thị trường của dự án, (3) Nghiên cứu kỹ thuật của dự án (4) Tổ chức nhân sự và quản trị của dự án (5) Phân tích tài chính của dự án (6) Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội của dự án (7) Các vấn đề về tổ chức thẩm định dự án đầu tư. (8) Bài tập lớn cho thiết lập & thẩm định dự án đầu tư.

35. Chuyên đề quản trị kinh doanh

Học phần nghiệp vụ hướng viên du lịch được tổ chức giảng dạy tập trung vào các nội dung trọng tâm: (1) Tổng quan dự án kinh doanh, (2) Đánh giá khả thi thị trường của dự án, (3) Đánh giá khả thi kỹ thuật của dự án, (4) Đánh giá khả thi tài chính của dự án và (5) Tổ chức vận hành doanh nghiệp để sinh viên được trang bị kiến thức tổng quan về thiết kế và thực hiện dự án kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

36. Hành vi tổ chức

Cung cấp những kiến thức cơ sở cần thiết cho nhà quản trị dựa trên nền tảng của nghiên cứu tâm lý học, xã hội học. Giúp các nhà quản trị tương lai hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong & ngoại cảnh, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được 1 số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức.

37. Quản trị chiến lược

Học phần Quản trị chiến lược được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) tổng quan về quản trị chiến lược, (2) phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, (3) hoạch định và lựa chọn chiến lược, (4) thực hiện chiến lược, (5) kiểm tra, đánh giá chiến lược. Trên cơ sở thấu hiểu các nội dung của học phần, học viên vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.

38. Quản trị Marketing

Học phần Quản trị Marketing được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về quản trị marketing và các công việc chính của giám đốc Marketing, (2) hoạch định chiến lược, kế hoạch, chương trình marketing, (3) tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng marketing vào thực tế, môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến nhu cầu khách hàng, tâm lý – hành vi tiêu dùng, sự hài lòng khách hàng và khả năng cạnh tranh với đối thủ.

39. Quản trị chất lượng

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Tổng quan về chất lượng, (2) Quản lý chất lượng, (3) Quản lý chất lượng toàn diện (TQM), (4) Phương pháp 6 Sigma, (5) Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng tại doanh nghiệp.

40. Quản trị thương hiệu

Học phần Quản trị thương hiệu được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về quản trị thương hiệu, (2) hoạch định chiến lược, kế hoạch, chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu, (3) tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động thương hiệu. Trên cơ sở thông đạt kiến thức 3 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng xây dựng và phát triển thương hiệu vào thực tế, môi trường doanh nghiệp.

41. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học được tổ chức giảng dạy theo 3 phần kiến thức: (1) tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học, (2) nghiên cứu định tính, (3) nghiên cứu định lượng, (4) vận dụng nghiên cứu khoa học vào thực tế.

42. Kế toán quản trị

Học phần này giúp cho người học hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán quản trị trong doanh nghiệp gắn liền với các chức năng cơ bản của nhà quản trị.: kế toán quản trị chi phí, giá thành, doanh thu, kết quả kinh doanh; mối quan hệ chi phí-khối lượng-lợi nhuận; sử dụng thông tin cho việc ra quyết định kinh doanh... Trên cơ sở đó, người học có thể nắm bắt các vấn đề về thực trạng, đặc biệt là thực trạng tài chính của doanh nghiệp; qua đó phục vụ công tác quản trị nội bộ và ra quyết định quản trị điều hành doanh nghiệp.

43. Tiếng Anh chuyên ngành

Chuyên ngành 1: Nội dung của học phần này gồm nhiều chủ đề được chọn phù hợp với chuyên ngành. Trình bày những nội dung có liên quan đến nghề nghiệp, quản trị nhân sự, quản trị bán hàng và Marketing. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản cách thức giao tiếp bằng thư tín tiếng Anh trong kinh doanh.

Chuyên ngành 2: Nội dung của học phần này gồm nhiều chủ đề được chọn phù hợp với chuyên ngành. Trình bày những nội dung có liên quan đến tài chính, kế toán, các chứng từ trong mua bán quốc tế, những qui tắc trong kinh doanh mua bán quốc tế, nội dung và hình thức của một hợp đồng ngoại thương, một thư chào hàng báo giá và thư hỏi hàng.

44. Thanh toán quốc tế

Nội dung chính của học phần Thanh Toán Quốc Tế trình bày những vấn đề có liên quan đến tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ hối đoái trên thị trường hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và các chứng từ chủ yếu trong thanh toán quốc tế

45. Thị trường tài chính

Cung cấp kiến thức tổng quan về cơ chế hoạt động, các bộ phận cấu thành của thị trường tài chính. Đặc biệt chú trọng đến thị trường chứng khoán là nơi cung cấp vốn dài hạn cho nền kinh tế với những tính chất ưu việt và phù hợp với nền kinh tế thị trường.

46. Thuế

Môn học này giới thiệu cho sinh viên hệ thống thuế của Việt Nam, trình bày những kiến thức cơ bản về thuế trên góc độ lý thuyết (kinh tế, chính trị và pháp lý), hướng dẫn sinh viên phương pháp tính thuế và thảo luận các vấn đề liên quan đến thuế đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội. Học xong môn này, sinh viên có thể: (i) Hiểu cơ sở lý thuyết cơ bản của một hệ thống thuế nội địa hiện đại (modern domestic tax system); (ii) Giải thích việc sử dụng các loại thuế khác nhau để tạo nên hệ thống thuế Việt Nam, tham khảo thêm một số loại thuế tương tự ở các quốc gia khác; (iii) Biết cách tính được tiền thuế phải nộp trong từng tình huống cụ thể; (iv) Áp dụng được những quy định của luật thuế vào đời sống thực tế; (v) Mô tả được ảnh hưởng của thuế đến việc ra quyết định đối với cá nhân và doanh nghiệp; (vi) Đánh giá tác động xã hội rộng lớn hơn của các loại thuế và chính sách tài khóa.

47. Nghệ thuật quảng cáo

Ngày nay quảng cáo thực sự đã trở thành một nghề kinh doanh, đồng thời là một công cụ trọng yếu của Marketing. Kỹ thuật quảng cáo là môn học quan trọng của chương trình đào tạo chuyên sâu ngành Quản trị Marketing.

Học phần Nghệ thuật quảng cáo được tổ chức giảng dạy theo 5 chương: (1) Tổng quan về Quảng cáo; (2) Xác định mục tiêu quảng cáo và ngân sách quảng cáo; (3) Kỹ thuật lựa chọn phương tiện quảng cáo; (4) Kỹ thuật thiết kế thông điệp quảng cáo; (5) Kỹ thuật tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả quảng cáo.

48. Quan hệ công chúng

Ngày nay PR thực sự đã trở thành một nghề kinh doanh, đồng thời là một công cụ trọng yếu của Marketing. PR là môn học quan trọng của chương trình đào tạo chuyên sâu ngành Quản trị Marketing.

Học phần PR được tổ chức giảng dạy theo 8 nội dung: (1) Tổng quan về PR; (2) Nghiên cứu và đánh giá PR; (3) Lập kế hoạch PR; (4) Thực thi giao tiếp; (5) Quan hệ báo chí; (6) Sự kiện và tài trợ; (7) Quản trị khủng hoảng; (8) Hoạt động PR trong kinh doanh.

49. Kỹ năng bán hàng

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Kỹ thuật bán hàng cho nhà sản xuất, các đại lý bán sỉ, bán lẻ; các chức năng, phương pháp quản lý lực lượng bán hàng hiệu quả. Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức, kỹ năng cần thiết của người bán hàng, đến những kỹ thuật chào hàng, kỹ thuật bán lẻ hàng

hóa, các chiến lược bán hàng và quản lý bán hàng hiệu quả. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.

50. Marketing quốc tế

Môn học Marketing quốc tế giới thiệu nghệ thuật kinh doanh trên thị trường quốc tế.

Nội dung bao gồm: Bản chất, tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động Marketing quốc tế.

Môi trường Marketing quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế. Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc thị trường quốc tế, sẽ xây dựng và triển khai hệ thống MKT hỗn hợp phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu của công ty.

51. Marketing du lịch

Học phần cung cấp cho người học: những kiến thức về các loại hình du lịch và thị trường du lịch; các yếu tố môi trường tác động đến du lịch cùng như các ảnh hưởng của du lịch đến kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường; kỹ năng đánh giá TTDL để xây dựng được kế hoạch chiến lược lâu dài trong du lịch.

52. Quản trị kinh doanh nhà hàng

Nội dung của môn học bao gồm Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng và phân tích đánh giá kết quả bán hàng.

53. Quản trị hệ thống thông tin

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.

54. Nhượng quyền thương mại

Một lĩnh vực mới mẻ nhưng đầy tiềm năng phát triển đã xuất hiện tại Việt Nam và đang ngày càng phát triển đó là hình thức kinh doanh nhượng quyền thương mại. Nhượng quyền thương mại là cách để tăng sức mạnh cho các thương hiệu Việt Nam và cũng chính là cách tốt nhất để quảng bá cũng như tạo nội lực cho thương hiệu đó và cũng là một việc làm khôn ngoan cho các doanh nghiệp Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

55. Vận tải và bảo hiểm ngoại thương

Học phần Vận tải & Bảo hiểm ngoại thương được tổ chức giảng dạy theo 2 phần kiến thức: (1) vận tải trong ngoại thương, (2) Bảo hiểm ngoại thương. Bên cạnh nội dung kiến thức giảng dạy, sinh viên được tổ chức các buổi thảo luận trên lớp và tham quan thực tế cảng trên địa bàn. Trên cơ sở đó, sinh viên nắm những nét cơ bản về công tác phân loại, thuê tàu, công tác giao nhận và các chứng từ có liên quan.

56. Hợp đồng thương mại quốc tế

Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về những kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế, việc ký kết và điều chỉnh nội dung hợp đồng thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế, các chế tài do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế và giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế.

57. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế

Nghiên cứu xu thế hội nhập kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, lợi thế của quốc gia trong quan hệ kinh tế đa phương, những cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu

58. Quản trị cung ứng và Logistic

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng & logistics được tổ chức giảng dạy theo 2 phần kiến thức. Bên cạnh nội dung kiến thức giảng dạy, sinh viên được tổ chức các buổi thảo luận trên lớp với các chủ đề thực tiễn và tham gia thuyết trình nhóm.

59. Quản trị kinh doanh khách sạn

Học phần Quản trị kinh doanh nhà hàng tổ chức giảng dạy theo 5 chương chính, tập trung vào phần kiến thức trọng tâm: (1) tổng quan về kinh doanh khách sạn, (2) Tổ chức bộ máy nhân sự, (3) Tổ chức khách sạn, (4) Tổ chức, thực hiện marketing kinh doanh khách sạn và (5) Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn.

60. Quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro là môn học nghiên cứu hoạt động quản trị các rủi ro trong doanh nghiệp, trong các ngân hàng. Đây là môn học giúp sinh viên hiểu được kiến thức và vận dụng tốt các kỹ năng cơ bản về quản trị rủi ro, phân tích và nhận dạng được các loại rủi ro đặc thù đối với mỗi doanh nghiệp, đo lường được mức độ ảnh hưởng của rủi ro đối với doanh nghiệp trên cơ sở đó xây dựng được các chương trình hành động nhằm kiểm soát rủi ro và lựa chọn phương án tài trợ thích hợp cho từng loại rủi ro.

61. Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo

Học phần được tổ chức giảng dạy theo 5 phần kiến thức: (1) Lãnh đạo và quản lý, (2) Nhà lãnh đạo, (3) Nghệ thuật lãnh đạo, (4) Phong cách lãnh đạo, (5) Nghệ thuật dùng người.

Trên cơ sở thông đạt kiến thức 5 phần trên, vận dụng để giải quyết các tình huống liên quan nhằm định hướng ứng dụng bài học vào thực tế môi trường doanh nghiệp, nhằm góp phần nâng cao khả năng lãnh đạo của người học.

62. Quản trị sự thay đổi

Môn học này là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp. Môn học trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về sự thay đổi như: hình thức thay đổi, loại thay đổi những áp lực khiến cho tổ chức phải thay đổi... Người học cũng được cung cấp các kiến thức về những mô hình quản trị sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi. Từ đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức về quản trị sự thay đổi để lập được kế hoạch cho sự thay đổi, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi, đưa ra những biện pháp xử lý những phản ứng của con người trước thay đổi trong tổ chức để đảm bảo hiệu quả cho tổ chức trong quá trình thay đổi. Môn học cũng giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị sự thay đổi từ đó có thái độ tích cực hơn với những thay đổi trong cuộc sống.

63. Phát triển kỹ năng quản trị

Môn học trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất gắn với nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Học xong môn học, sinh viên nắm chắc kiến thức và những kỹ năng thực hành quản trị kinh doanh, những hành trang và kinh nghiệm giúp cho sinh viên có thể thực hành nghiệp vụ kinh doanh ngay sau khi ra trường.

64. Quản trị cung ứng

Quản trị chuỗi cung ứng là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.

65. Nghiệp vụ ngoại thương

Đây là môn học thuộc chuyên ngành kinh doanh quốc tế, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), luật Hải Quan, các phương thức mua bán quốc tế thông dụng. Bên kiến thức cơ bản, môn học còn hướng dẫn người học cách soạn thảo thư tín thương mại trong thương lượng, đàm phán ngoại thương, cách thức xây dựng hợp đồng ngoại thương bằng Tiếng Anh, cách tổ chức thực

hiện hợp đồng xuất nhập khẩu, nghiệp vụ thuê tàu, khai báo Hải Quan và các phương thức TTQT áp dụng trong ngoại thương.

66. Quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành

Học phần Quản trị kinh doanh nhà hàng tổ chức giảng dạy theo 5 chương chính, tập trung vào phần kiến thức trọng tâm: (1) tổng quan về kinh doanh du lịch, dịch vụ, (2) Tổ chức bộ máy nhân sự, (3) Tổ chức kinh doanh du lịch, dịch vụ, (4) Tổ chức, thực hiện marketing du lịch, dịch vụ và (5) Quản trị chất lượng du lịch, dịch vụ.

67. Quản trị kinh doanh quốc tế

Quản trị kinh doanh quốc tế là môn học nghiên cứu quá trình tổ chức và thực hiện các hoạt động giao dịch, kinh doanh được tiến hành giữa các doanh nghiệp của các quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu.

68. Thực tập tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện trên thực tế tại đơn vị thực tập (nếu có) do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ cuối khóa.

Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trong trường đại học. Cụ thể hơn, đó là những vấn đề hay những cơ hội đơn vị thực tập đang đối diện. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên và người phụ trách từ đơn vị thực tập, sinh viên sẽ phải làm việc tại một doanh nghiệp hay tổ chức có liên quan. Công việc này áp dụng những gì bạn đã học trong chương trình học tập tại trường vào hoạt động tại đơn vị thực tập.

69. Tiểu luận tốt nghiệp

Tiểu luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với các kiến thức đã được trang bị thông qua học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn đề nghiên cứu phù hợp với chuyên môn của ngành đào tạo, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học.

70. Khóa luận tốt nghiệp

Luận văn tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu từ các học phần thuộc Chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào

thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học và thực hiện chia sẻ kết quả nghiên cứu tại các buổi sinh hoạt học thuật và bảo vệ trước hội đồng đánh giá.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh hệ chính quy gồm **150 TC** (kể cả Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có **42 TC giáo dục đại cương, 96 TC Kiến thức ngành và chuyên ngành và 12 TC tốt nghiệp**, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

- + **Phần nội dung chương trình bắt buộc:** Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Khoa Quản trị kinh doanh phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.
- + **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định. Đối với học kỳ cuối khóa, sinh viên có thể học thêm 4 TC và làm tiểu luận nếu không làm khóa luận tốt nghiệp.
- + **Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:** Khoa Quản trị kinh doanh sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải bảo đảm tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Khoa Quản trị kinh doanh sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô./.

Cần Thơ, ngày 19 tháng 7 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG P. ĐÀO TẠO

TRƯỜNG KHOA



Trần Hồng Luận

Lê Phú Nguyễn Hải

Phòng Thị Huỳnh Mai